

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1577/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành 6 tháng đầu năm 2018****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành một phần và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật về giao thông vận tải hết hiệu lực thi hành toàn phần 6 tháng đầu năm 2018 (tính từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 30/6/2018).**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Văn Thể**

Phụ lục I
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH
MỘT PHẦN TÍNH TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN HẾT NGÀY 30/6/2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1577/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2018)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--------------------------------|------------------|---|--|---|-------------------|
| I - LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG | | | | | |
| 1 | Thông tư | Số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam | Khoản 45 và khoản 47 Điều 1 bị bãi bỏ bởi Điều 1 Thông tư số 02/2018/TT-BGTVT ngày 09/01/2018 ngưng hiệu lực một phần Thông tư số 45/2017/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2016/TT-BGTVT ngày 01 tháng 02 năm 2016 quy định chi tiết về Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam | 15/01/2018 |
| 2 | Thông tư | Số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay | Khoản g của Phụ lục 1 Điều 12.081 quy định tại Mục 54 Phụ lục X được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 03/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay | 25/5/2018 |

| II - LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA | | | | | |
|----------------------------------|--------------|--|---|---|-----------|
| 3 | Thông tur | Số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa | Khoản 2 Điều 3, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 18/2018/TT- BGTVT ngày 11/4/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09/6/2016 và bãi bỏ Phụ lục mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT ngày 11/4/2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT- BGTVT ngày 09/6/2016 | 01/6/2018 |
| III - LĨNH VỰC HÀNG HẢI | | | | | |
| 4 | Thông tur | Số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải | 1. Thay thế tập “Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, vận hành luồng hàng hải” ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 bằng tập “Định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, vận hành luồng hàng hải” ban hành kèm theo Thông tư này. 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tập “Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu” ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 bằng tập “Định mức kinh tế - kỹ thuật tiêu hao nhiên liệu” ban hành kèm theo Thông tư này. 3. Sửa đổi, bổ sung phần “Ghi chú” tại Mục 1, Chương III của tập “Định mức | 01/8/2018 |

| | | | | | |
|--------------------------------|----------|---|--|---|-----------|
| | | | | <p>kinh tế - kỹ thuật công tác tiếp tế” ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014</p> <p>Các nội dung trên được sửa đổi bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 38/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư số 76/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải</p> | |
| 5 | Thông tư | Số 30/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về thủ tục trình và xác nhận kháng nghị hàng hải | <p>Cụm từ “, Đại diện Cảng vụ hàng hải” tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 30/2016/TT-BGTVT được thay bằng cụm từ “ hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải được Giám đốc Cảng vụ hàng hải ủy quyền theo quy định của pháp luật” theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 07/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra tàu biển</p> | 01/4/2018 |
| IV - LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT | | | | | |
| 6 | Thông tư | Số 67/2011/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt | Khoản 1, khoản 3 Điều 1 bị bãi bỏ bởi Điều 2 thông tư số 30/2018/TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt | 01/7/2018 |

| V - LĨNH VỰC KHÁC | | | | | |
|-------------------|--------------|---|--|--|-----------|
| 7 | Thông tur | Số 50/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải | Khoản 4 Điều 3; điểm đ khoản 1 Điều 5; điểm a khoản 3 Điều 5; khoản 5 Điều 5; khoản 2 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ; bổ sung Điều 9a vào sau Điều 9; Thay thế cụm từ tại điểm a khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 5 theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2011/TT-BGTVT ngày 30 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải | 16/7/2018 |

Phụ lục II
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG VẬN TẢI HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH
TOÀN PHẦN TÍNH TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN HẾT NGÀY 30/6/2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1577/QĐ-BGTVT ngày 20 tháng 7 năm 2018)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|--------------------------------|------------------|--|--|---|---|
| I - LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG | | | | | |
| 1 | Thông tư | Số 38/2014/TT-BGTVT ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không tại Việt Nam | Được thay thế bởi thông tư số 04/2018/TT-BGTVT ngày 23/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không | 15/4/2018 |
| 2 | Thông tư | Số 41/2015/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều trong Phần 12 và Phần 14 của Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Được thay thế bởi thông tư số 21/2017/TT-BGTVT ngày 30/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay và Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ Quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay | 01/9/2017 (Đỉnh chỉnh lại nội dung này tại QĐ số 152/QĐ-BGTVT ngày 22/01/2018) |

| | | | | | |
|---|----------|---|---|--|-----------|
| 3 | Thông tư | Số 61/2011/TT-BGTVT ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư quy định về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không | Được thay thế bởi Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không | 10/5/2018 |
| 4 | Thông tư | Số 53/2013/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng. | Được thay thế bởi thông tư số 34/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ngày 28/5/2018 quy định về mẫu biên bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng | 15/7/2018 |
| II - LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA | | | | | |
| 5 | Thông tư | Số 37/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư quy định về việc phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão, ứng phó sự cố thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa. | Được thay thế bởi Thông tư số 12/2018/TT-BGTVT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống thiên tai trong lĩnh vực đường thủy nội địa | 15/5/2018 |
| III - LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ | | | | | |
| 6 | Thông tư | Số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ | Được thay thế bởi Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ | 24/7/2018 |
| 7 | Thông tư | Số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 | Được thay thế bởi Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ | 24/7/2018 |

| IV- LĨNH VỰC HÀNG HẢI | | | | | |
|-----------------------|-----------|---|--|---|------------|
| 8 | Nghị định | Số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính Phủ | Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa | Được thay thế bởi Nghị định số 142/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải | 01/02/2018 |
| 9 | Nghị định | Số 146/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính Phủ | Nghị định của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam | Được thay thế bởi Nghị định số 16/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc công bố tuyến hàng hải và phân luồng giao thông trong lãnh hải Việt Nam | 01/4/2018 |
| 10 | Thông tư | Số 14/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về bảo trì công trình hàng hải | Được thay thế bởi Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo trì công trình hàng hải | 01/3/2018 |
| 11 | Thông tư | Số 59/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ Giao thông vận tải quy định kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng trong vùng nước cảng biển | Được thay thế bởi Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về bảo trì công trình hàng hải | 01/3/2018 |
| 12 | Thông tư | Số 32/2013/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa | Được thay thế bởi Thông tư số 08/2018/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực hàng hải | 15/4/2018 |

| | | | | | |
|-------------------------------|----------|--|--|---|------------|
| 13 | Thông tư | Số 50/2012/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu thuyền tại các cảng biển Việt Nam | Được thay thế bởi Thông tư số 41/2017/ TT-BGTVT ngày 14/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển Việt Nam | 01/01/2018 |
| 14 | Thông tư | Số 01/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về mẫu hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, được đầu tư bằng vốn nhà nước | Được thay thế bởi Thông tư số 44/2017/ TT-BGTVT ngày 16/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về mẫu hồ sơ yêu cầu và hồ sơ mời thầu cho thuê khai thác kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng, cảng cạn được đầu tư bằng vốn nhà nước | 01/01/2018 |
| V - LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM | | | | | |
| 15 | Thông tư | Số 65/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng kiểm viên tàu biển | Được thay thế bởi Thông tư số 51/2017/ TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thông tư quy định về đăng kiểm viên và nhân viên nghịệp vụ đăng kiểm tàu biển | 01/3/2018 |
| 16 | Thông tư | Số 40/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của Đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 19/2018/ TT-BGTVT ngày 19/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn, đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường sắt; yêu cầu đối với cơ sở vật chất, kỹ thuật của tổ chức đăng kiểm | 01/7/2018 |
| 17 | Thông tư | Số 16/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị. | Được thay thế bởi Thông tư số 31/2018/ TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thực hiện đánh giá, chứng nhận an toàn hệ thống đối với đường sắt đô thị | 01/7/2018 |

| VI - LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT | | | | | |
|-------------------------|-----------|---|--|--|-----------|
| 18 | Luật | Số 35/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 | Luật Đường sắt | Được thay thế bởi Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017 | 01/7/2018 |
| 19 | Nghị định | Số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ | Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Đường sắt | Được thay thế bởi Nghị định số 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Đường sắt | 01/7/2018 |
| 20 | Nghị định | Số 55/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ | Nghị định quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trang thiết bị, trang phục, phù hiệu và công cụ hỗ trợ của lực lượng bảo vệ trên tàu hỏa | Được thay thế bởi Nghị định số 75/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và trang phục, phù hiệu của lực lượng bảo vệ trên tàu | 01/7/2018 |
| 21 | Thông tư | Số 78/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về việc vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường sắt quốc gia | Được thay thế bởi Thông tư 09/2018/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia | 01/7/2018 |
| 22 | Thông tư | Số 38/2012/TT-BGTVT ngày 19 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác cầu chung | Được thay thế bởi Thông tư số 11/2018/TT-BGTVT ngày 28/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cầu chung, giao thông trên khu vực cầu chung | 01/7/2018 |
| 23 | Thông tư | Số 81/2015/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý và bảo trì công trình đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT ngày 04/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, bảo trì công trình đường sắt quốc gia | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|----------|--|--|---|-----------|
| 24 | Thông tư | Số 34/2012/TT-BGTVT ngày 22 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định danh mục, biện pháp bảo đảm an toàn đối với phương tiện động lực chuyên dùng khi khai thác, vận dụng trên đường sắt không bắt buộc phải có thiết bị ghì tốc độ và các thông tin liên quan đến việc Điều hành chạy tàu (hộp đen) | Được thay thế bởi Thông tư số 20/2018/ TT-BGTVT ngày 26/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thông tin, chỉ dẫn, trang thiết bị phục vụ khách hàng, thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt | 01/7/2018 |
| 25 | Thông tư | Số 01/2013/TT-BGTVT ngày 08 tháng 01 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải | Thông của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 21/2018/ TT-BGTVT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt; di chuyển của phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt | 01/7/2018 |
| 26 | Thông tư | Số 13/2016/TT- BGTVT ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Thông tư số 01/2013/TT- BGTVT thông tư quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt | Bị thay thế bởi Thông tư số 21/2018/TT- BGTVT ngày 27/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt; di chuyển của phương tiện giao thông đường sắt trong trường hợp đặc biệt | 01/7/2018 |
| 27 | Thông tư | Số 83/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về việc vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia | Được thay thế bởi Thông tư số 22/2018/ TT-BGTVT ngày 02/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|----------|--|---|---|-----------|
| 28 | Thông tư | Số 38/2016/TT-BGTVT ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 23/2018/ TT-BGTVT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt; phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt | 01/7/2018 |
| 29 | Thông tư | Số 74/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông trên đường sắt đô thị | Được thay thế bởi Thông tư số 23/2018/ TT-BGTVT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định việc giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt; phân tích, thống kê báo cáo về sự cố, tai nạn giao thông đường sắt | 01/7/2018 |
| 30 | Thông tư | Số 78/2015/TT-BGTVT ngày 9 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia | Được thay thế bởi Thông tư số 24/2018/ TT-BGTVT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, công bố biểu đồ chạy tàu; điều hành giao thông vận tải đường sắt; giá dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt | 01/7/2018 |
| 31 | Thông tư | Số 62/2015/TT-BGTVT ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang | Được thay thế bởi Thông tư số 25/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp Giấy phép liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt | 01/7/2018 |
| 32 | Thông tư | Số 80/2015/TT-BGTVT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc cấp giấy phép liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 25/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp Giấy phép liên quan đến hoạt động xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|----------|--|--|--|-----------|
| 33 | Thông tư | Số 05/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia | Được thay thế bởi Thông tư số 26/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị | 01/7/2018 |
| 34 | Thông tư | Số 78/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, ban hành, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia | Được thay thế bởi Thông tư số 27/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về xây dựng, công bố công lệnh tải trọng, công lệnh tốc độ trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị chạy chung với đường sắt quốc gia, đường sắt chuyên dùng | 01/7/2018 |
| 35 | Thông tư | Số 08/2014/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kết nối tín hiệu đèn giao thông đường bộ với tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang; cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 28/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kết nối tín hiệu đèn báo hiệu trên đường bộ tại đường ngang, cung cấp thông tin hỗ trợ cảnh giới tại các đường giao cắt đường bộ và đường sắt | 01/7/2018 |
| 36 | Thông tư | Số 56/2013/TT-BGTVT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra thiết bị vệ sinh tự hoại trên toa xe khách | Được thay thế bởi Thông tư số 29/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|------------|--|--|---|-----------|
| 37 | Thông tư | Số 11/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định kiểm tra thiết bị tín hiệu đuôi tàu thay thế toa xe trường tàu trên các đoàn tàu hàng | Được thay thế bởi Thông tư số 29/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt | 01/7/2018 |
| 38 | Thông tư | Số 63/2015/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 29/2018/ TT-BGTVT ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt | 01/7/2018 |
| 39 | Thông tư | Số 66/2011/TT-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành 03 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 32/2018/ TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt | 01/7/2018 |
| 40 | Thông tư | Số 12/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 32/2018/ TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành 02 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường sắt | 01/7/2018 |
| 41 | Quyết định | Số 37/2006/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định nội dung và quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/ TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|------------|---|--|--|-----------|
| | | | | các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | |
| 42 | Quyết định | Số 32/2008/QĐ-BGTVT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Chương trình đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | 01/7/2018 |
| 43 | Thông tư | Số 38/2010/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về Tiêu chuẩn các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu, điều kiện cơ sở đào tạo và nội dung, chương trình đào tạo nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | 01/7/2018 |
| 44 | Thông tư | Số 05/2015/TT-BGTVT ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên trực tiếp phục vụ chạy tàu đường sắt đô thị | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|----------|---|---|--|-----------|
| | | | | các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | |
| 45 | Thông tư | Số 31/2015/TT-BGTVT ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư quy định về nội dung, quy trình sát hạch cấp giấy phép lái tàu trên đường sắt đô thị | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | 01/7/2018 |
| 46 | Thông tư | Số 76/2015/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý sát hạch, cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | 01/7/2018 |
| 47 | Thông tư | Số 45/2016/TT-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải bổ sung, sửa đổi Thông tư số 76/2015/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, | 01/7/2018 |

| | | | | | |
|----|------------|---|--|---|-----------|
| | | | Giao thông vận tải quy định về quản lý sát hạch, cấp mới, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt và Thông tư số 38/2010/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu, điều kiện cơ sở đào tạo và nội dung, chương trình đào tạo nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu | chương trình đào tạo đối với cơ sở đào tạo các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu | |
| 48 | Quyết định | Số 84/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2007 | Quyết định về phương thức và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư | Bị hết hiệu lực bởi các văn bản làm căn cứ ban hành hết hiệu lực | 01/7/2018 |
| 49 | Thông tư | Số 37/2014/TT-BGTVT ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phạm vi bảo vệ công trình, hành lang an toàn giao thông đường sắt đô thị | Được thay thế bởi Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt | 01/7/2018 |
| 50 | Thông tư | Số 30/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư quy định về cấp chứng chỉ an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt | Bị hết hiệu lực bởi các văn bản làm căn cứ ban hành hết hiệu lực | 01/7/2018 |

| VII - LĨNH VỰC KHÁC | | | | | |
|---------------------|----------|--|---|---|-----------|
| 51 | Thông tư | Số 22/2015/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giao thông vận tải | Được thay thế bởi Thông tư số 13/2018/ TT-BGTVT ngày 29/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện công tác thi đua ngành GTVT | 15/5/2018 |
| 52 | Thông tư | Số 55/2011/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng giao thông ban hành kèm theo Quyết định số 14/2018/QĐ- BGTVT ngày 21/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải | Được thay thế bởi Nghị định số 62/2016/ ND-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng | 01/7/2016 |